

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**



**NGUYỄN THÙY TRANG**

**HẠN CHẾ RỦI RO CHO VAY  
TẠI NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG  
CHI NHÁNH THỪA THIÊN HUẾ**

**Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng  
Mã số: 60.34.20**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ  
QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Đà Nẵng - Năm 2012**

**Công trình được hoàn thành tại  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. TRẦN ĐÌNH KHÔI NGUYỄN**

**Phản biện 1:**

**Phản biện 2:**

**Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày tháng năm**

**Có thể tìm hiểu luận văn tại:**

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngân hàng thương mại ra đời với vị trí là trung gian tài chính có vai trò quan trọng trong việc cung ứng vốn cho nền kinh tế. Thực tiễn hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong suốt thời gian qua cho chúng ta thấy rủi ro của các ngân hàng chủ yếu xuất phát từ hoạt động tín dụng mà chiếm phần lớn trong đó chính là hoạt động cho vay.

Do vậy, làm thế nào để đảm bảo duy trì và phát triển vững chắc của các Ngân hàng, hạn chế được rủi ro hoạt động tín dụng nói chung và cho vay nói riêng được an toàn và hiệu quả là một trong những vấn đề luôn có tính thời sự và được các NHTM Việt Nam quan tâm hàng đầu.

Xuất phát từ tính cấp thiết của vấn đề, tôi đã chọn đề tài: **“Hạn chế rủi ro cho vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương, Chi nhánh Thừa Thiên Huế”** làm đề tài nghiên cứu.

### 2. Mục đích nghiên cứu

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về rủi ro cho vay và việc hạn chế rủi ro cho vay.

- Phân tích, đánh giá thực trạng rủi ro cho vay và hạn chế rủi ro cho vay tại NHTMCP Ngoại thương, CN TT Huế.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hạn chế rủi ro cho vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương, CN TT Huế.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

#### Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu những vấn đề cơ bản của hoạt động cho vay, rủi ro trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương, CN TT Huế.

#### Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi không gian: Hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương, CN TT Huế.

Phạm vi thời gian: Số liệu nghiên cứu thu thập từ năm 2008 đến năm 2010.

Phạm vi nội dung: Hạn chế rủi ro cho vay tại Chi nhánh Ngân hàng TMCP Ngoại thương Huế.

### 4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp phỏng vấn, điều tra chọn mẫu, phương pháp thống kê, phân tích, so sánh, tổng hợp....

### 5. Ý nghĩa thực tiễn của đề tài

Hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến việc hạn chế rủi ro cho vay. Nghiên cứu nội dung của việc phát hiện rủi ro cho vay, các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro cho vay cũng như đánh giá của cán bộ tín dụng về nguyên nhân gây ra rủi ro cho vay tại VCB- Chi nhánh TT Huế. Từ đó đưa ra giải pháp hạn chế rủi ro cho vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TT Huế trong thời gian tới.

### 6. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, luận văn gồm 3 chương

Chương 1: Tổng quan về rủi ro và quản lý rủi ro cho vay tại Ngân hàng thương mại.

Chương 2: Thực trạng rủi ro cho vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương, Chi nhánh TT Huế.

Chương 3: Định hướng và giải pháp hạn chế rủi ro cho vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương, Chi nhánh TT Huế.

## Chương 1

### TỔNG QUAN VỀ RỦI RO VÀ QUẢN LÝ RỦI RO CHO VAY TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

#### 1.1. Khái quát về hoạt động cho vay của Ngân hàng thương mại

##### 1.1.1. Khái niệm về hoạt động cho vay

Cho vay là một hình thức cấp tín dụng, theo đó tổ chức tín dụng giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích và thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi

##### 1.1.2. Các yếu tố cấu thành hoạt động cho vay

###### 1.1.2.1. Các bên tham gia trong hoạt động cho vay

###### 1.1.2.2. Chi phí cho vay

##### 1.1.3. Vai trò của hoạt động cho vay

###### 1.1.3.1. Đối với ngân hàng

###### 1.1.3.2. Đối với người đi vay

###### 1.1.3.3. Đối với nền kinh tế

#### 1.2. Rủi ro cho vay đối với Ngân hàng thương mại

##### 1.2.1. Khái niệm rủi ro và rủi ro cho vay

Rủi ro là xuất hiện một biến cố không mong đợi gây thiệt hại cho một công việc, rủi ro có thể xảy ra trong mọi hoạt động, mọi lĩnh vực mà không phụ thuộc vào ý muốn con người.

Rủi ro cho vay trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

### 1.2.2. Các chỉ số đánh giá mức độ rủi ro tín dụng của Ngân hàng thương mại

- Tỷ lệ nợ quá hạn
- Tỷ lệ nợ xấu
- Tỷ lệ nợ mất vốn
- Tỷ lệ dự phòng rủi ro

### 1.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro cho vay

#### 1.2.3.1. Từ môi trường kinh doanh

#### 1.2.3.2. Từ phía khách hàng

#### 1.2.3.3. Từ phía Ngân hàng cho vay

### 1.2.4. Hậu quả của rủi ro cho vay

- Rủi ro phát sinh sẽ làm tăng chi phí, giảm lợi nhuận.
- Rủi ro làm giảm uy tín của các ngân hàng cho vay.
- Rủi ro trong hoạt động cho vay còn gây tổn thất gián tiếp cho các ngân hàng khác.

## 1.3. Nội dung công tác hạn chế rủi ro cho vay tại NHTM

### 1.3.1. Khái niệm hạn chế rủi ro cho vay

Hạn chế rủi ro cho vay là việc đưa ra các phương án, các giải pháp nhằm ngăn chặn, hạn chế các nhân tố có thể dẫn đến rủi ro trong quá trình cho vay của NHTM.

### 1.3.2. Nội dung công tác hạn chế rủi ro cho vay

- *Nhận dạng rủi ro:* Nhận dạng rủi ro được hiểu là việc phân loại rủi ro theo từng nhóm riêng biệt theo dấu hiệu của chúng. Việc phân loại rủi ro hợp lý sẽ giúp nâng cao khả năng và hiệu quả áp dụng những phương pháp phù hợp trong việc quản lý rủi ro

- *Đánh giá rủi ro:* Đánh giá rủi ro là quá trình xác định mức độ nghiêm trọng của tổn thất và khả năng xuất hiện của từng loại rủi ro (đã được nhận diện), trên cơ sở đó, xếp hạng các rủi ro theo thứ tự ưu tiên mà các nguồn lực phải được dành để kiểm soát

- *Hạn chế rủi ro:* Trên cơ sở nhận diện và đánh giá mức độ rủi ro có thể xảy ra để đưa ra các giải pháp nhằm giảm hậu quả bất lợi của rủi ro. Tức là giảm khả năng xuất hiện của rủi ro và giảm mức độ nghiêm trọng của rủi ro.

## Chương 2 THỰC TRẠNG RỦI RO CHO VAY TẠI NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG, CHI NHÁNH TTHUẾ

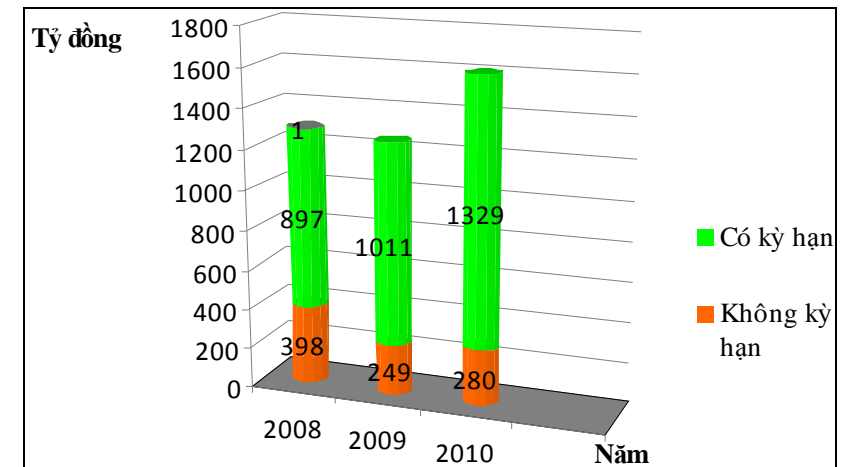
### 2.1. Khái quát về Ngân hàng TMCP Ngoại thương, CN TT Huế

#### 2.1.1. Quá trình phát triển

#### 2.1.2. Đặc điểm về cơ cấu tổ chức và phân cấp quản lý của NH TMCP Ngoại thương, CN TTHuế

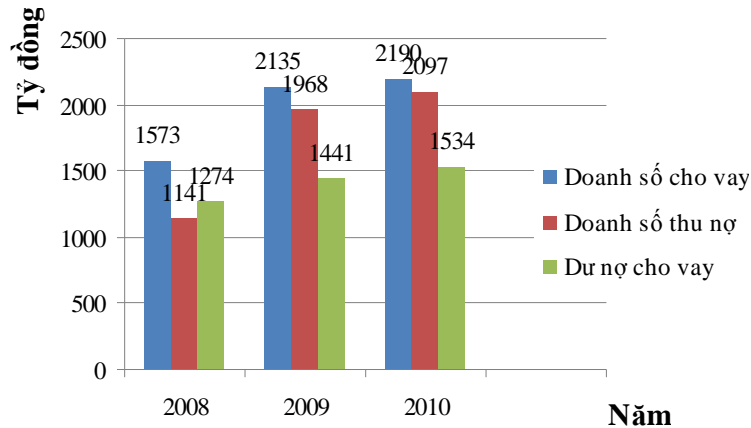
#### 2.1.3. Kết quả đạt được của Ngân hàng TMCP Ngoại thương, CN TT Huế

##### 2.1.3.1. Tình hình huy động vốn của chi nhánh



Vốn huy động của chi nhánh tăng trưởng không đồng đều qua các năm. Huy động VNĐ năm 2008 chiếm 68% trên tổng nguồn vốn huy động, năm 2009 tăng lên không đáng kể với con số khiêm tốn là 0,11% so với năm 2008 và chiếm 70% trên tổng nguồn vốn huy động. Sang năm 2010, với sự ổn định của nền kinh tế và các cá nhân, các doanh nghiệp đã hoạt động ổn định trở lại qua thời kỳ khủng hoảng nên làm ăn có hiệu quả hơn. Chính vì vậy mà trong năm 2010 tổng nguồn vốn huy động được của chi nhánh tăng trưởng mạnh đạt 1.609 tỷ đồng, tăng 349 tỷ đồng tương ứng với tăng 27,7% so với năm 2009.

### 2.1.3.2. Tình hình cho vay



Qua 3 năm, doanh số cho vay, doanh số thu nợ, dư nợ của Chi nhánh không ngừng gia tăng. Đặc biệt trong năm 2009 và 2010 tình hình cho vay đạt được con số khá ấn tượng, tăng vượt bậc so với năm 2008. Qua đó cho thấy Chi nhánh đã có nhiều biện pháp và chính sách hoạt động cho vay đúng hướng.

#### 2.1.3.3. Quy mô tín dụng

Trong ba năm 2008 – 2010 dư nợ cho vay của ngân hàng không ngừng gia tăng nhưng quy mô tín dụng của ngân hàng trên địa bàn TT Huế lại có chiều hướng giảm xuống một cách rõ rệt. Nguyên nhân là do trong năm 2009 và 2010 trên địa bàn Huế ra đời thêm nhiều ngân hàng mới như Eximbank, Liên Việt Bank, NH Phương Nam, NH Bắc Á... với các chính sách cho vay có ưu đãi hơn trong khi đó số lượng các doanh nghiệp, cá nhân có nhu cầu vay ở tỉnh TT Huế lại không tăng nhiều nên thị phần cho vay của các ngân hàng bị chia sẻ cho nhau, chính điều này đã làm giảm thị phần cho vay của VCB Huế từ 17% vào năm 2008 xuống còn 14% năm 2009 và 12% trong năm 2010. Điều này cũng gây áp lực cho bộ phận quan hệ khách hàng của NH VCB.

#### 2.1.3.4. Đặc điểm khách hàng

#### 2.1.3.5. Kết quả kinh doanh của Chi nhánh qua các năm

#### 2.1.3.6. Những rủi ro NH gặp phải trong thời gian qua

- Sự cạnh tranh không lành mạnh giữa Chi nhánh và các ngân hàng khác trên địa bàn tỉnh TTHuế khiến việc lựa chọn khách hàng không kỹ lưỡng dẫn đến việc xuất hiện nợ quá hạn tồn tại nhiều qua các năm.

- Chính sách đầu tư của chi nhánh tập trung vào một số ngành nghề như thương mại, dịch vụ, công nghiệp là chủ yếu nên rủi ro không được phân tán và tập trung lớn ở các ngành này.

- Tồn tại một số công trình, dự án không thực hiện đúng tiến độ làm cho việc trả nợ gốc và lãi không đúng hạn trong thời gian qua.

- Một số khách hàng cá nhân có thái độ chây ì, không trả nợ vay đúng hạn như trong hợp đồng tín dụng.

### 2.2. Thực trạng rủi ro cho vay tại NH TMCP Ngoại thương, CN TT Huế

#### 2.2.1. Phân tích tình hình chung về rủi ro cho vay tại NHTMCP Ngoại thương, CN TT Huế

- Qua 3 năm, nợ quá hạn luôn tồn tại và biến động không đồng đều. Năm 2009 nợ quá hạn tăng 23,42%, tương ứng với tăng 149,16 tỷ đồng so với năm 2008. Năm 2010 nợ quá hạn giảm 65,83% so với năm 2009. Điều đó làm cho tỷ lệ nợ quá hạn trong năm 2010 chỉ còn lại 17,51%.

- Nợ xấu và tỷ lệ nợ xấu cũng thay đổi liên tục qua các năm. Năm 2009 nợ xấu đạt 488,07 tỷ đồng với tỷ lệ nợ xấu là 33,87%, tăng 194,1 tỷ đồng tương ứng với nợ xấu tăng 66,03% so với năm 2008 và tỷ lệ nợ xấu tăng 10,8%. Nhưng sang năm 2010 nợ xấu đã giảm 339,44 tỷ đồng tương ứng với giảm 69,55% so với năm 2009 làm cho tỷ lệ nợ xấu trong năm này giảm xuống chỉ còn 9,69%.

Điều đó cho thấy Chi nhánh đã có những hướng khắc phục và giải quyết tốt tình trạng nợ xấu trong năm qua nhằm hạn chế rủi ro cho vay có thể xảy ra một cách thấp nhất có thể. Mặc dù so với một số NHTM CP khác trên địa bàn thì tỷ lệ nợ xấu và nợ quá hạn của chi nhánh còn khá cao nhưng trong năm qua Chi nhánh đã nỗ lực hạ thấp tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ nợ quá hạn một cách đáng kể thể hiện sự nỗ lực lớn của toàn thể nhân viên ở Chi nhánh trong việc xử lý và hạn chế rủi ro cho vay. Tuy nhiên, với tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu trong năm 2010 lần lượt là 17,51% và 9,69% đây là những con số còn quá cao so với tỷ lệ cho phép là 5% chứng tỏ hoạt động cho vay của ngân hàng vẫn đang tiềm ẩn nguy cơ rủi ro là khá cao.

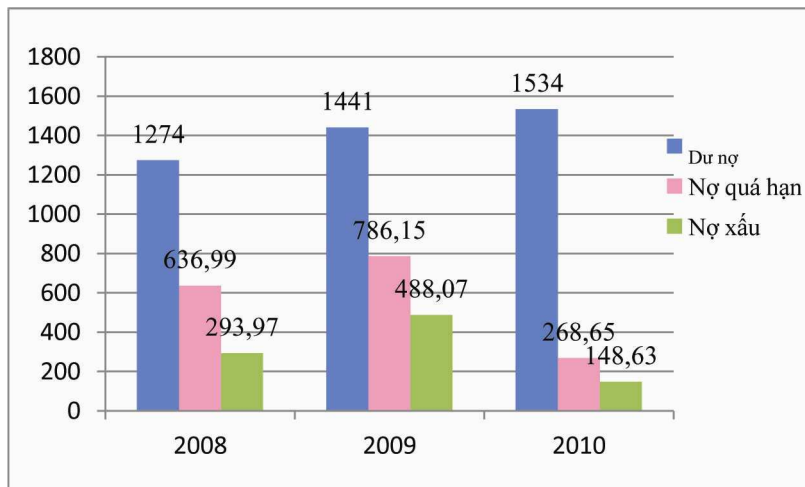
#### 2.2.1.1. Phân tích rủi ro cho vay theo thời hạn vay

Dư nợ cho vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng nhỏ trên dưới 30% trong tổng dư nợ cho vay của Chi nhánh, phần lớn việc cho vay ngắn hạn của Ngân hàng nhằm bổ sung vốn lưu động cho khách hàng để phục vụ kinh doanh.

Nếu như năm 2009 tỷ lệ nợ quá hạn là 54,56% (tương ứng với tăng 4,56% so với năm 2008) nghĩa là trong 100 đồng cho vay thì có 54,56 đồng nợ quá hạn mà trong đó nợ quá hạn trung dài hạn chiếm 44,10 đồng, điều này cho thấy hoạt động cho vay trung dài hạn của ngân hàng trong năm 2009 gặp nhiều khó khăn trong công tác thu hồi nợ.

Sang năm 2010 tỷ lệ nợ quá hạn của chi nhánh giảm đáng kể chỉ còn 17,51% tức là trong 100 đồng cho vay thì có 17,51 đồng nợ quá hạn mà trong đó nợ quá hạn trung dài hạn lại chiếm đến 15,39 đồng. Bên cạnh đó, tỷ lệ nợ xấu cũng biến động cùng chiều so với nợ quá hạn. Năm 2009 tỷ lệ nợ xấu của Chi nhánh là 33,87% tăng 10,8% so với năm 2008 thì trong đó tỷ lệ nợ xấu trung dài hạn đạt đến 29,65%. Năm 2010 tỷ lệ nợ xấu giảm đáng kể chỉ còn 9,69% thì trung dài hạn đã là 8,96%.

Qua số liệu phân tích ở trên cho thấy chi nhánh đang biến đổi cơ cấu cho vay theo hướng giảm tỷ lệ cho vay ngắn hạn và tăng tỷ lệ cho vay trung dài hạn, theo cơ cấu này ta thấy tỷ lệ nợ quá hạn và tỷ lệ nợ xấu của cho vay trung dài hạn đạt khá cao, thiết nghĩ Chi nhánh nên điều chỉnh lại cơ cấu cho vay theo thời hạn này và tập trung cho vay vào các dự án, các công trình có tính khả thi cao, tăng cường công tác đôn đốc, thu hồi nợ quá hạn của những dự án cũ để giảm bớt tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu đang tồn tại tại ngân hàng trong thời gian qua nhằm nâng cao chất lượng tín dụng và hạn chế rủi ro trong quá trình cho vay.



### 2.2.1.2. Phân tích rủi ro cho vay theo ngành kinh tế

Cũng dựa vào bảng số liệu 2.5 cho thấy nợ quá hạn và nợ xấu phân theo ngành kinh tế cũng có biến động mạnh qua các năm. Theo bảng số liệu ta thấy nợ quá hạn và nợ xấu của Chi nhánh chỉ tập trung chủ yếu vào hai ngành kinh tế chính là xây dựng và thương mại – dịch vụ. Chính vì vậy làm cho tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu của cho vay xây dựng và thương mại – dịch vụ cao hơn hẳn tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu của cho vay nói chung. Cụ thể như: Năm 2008 và 2009 trong khi tỷ lệ nợ quá hạn cho vay chung của chi nhánh là 50% và 54,56% thì tỷ lệ nợ quá hạn của ngành xây dựng là 53,01%, 59,62% và tỷ lệ nợ quá hạn của ngành TM-DV lên đến 78,69%; 86,51%.

Còn đối với ngành xây dựng trong năm 2010 có sự tiến bộ vượt bậc, nợ quá hạn đã giảm rõ rệt từ trong 100 đồng cho vay ngành xây dựng có 59,62 đồng nợ quá hạn năm 2009 xuống còn 8,51 đồng trong năm 2010 và đặc biệt là trong năm 2010 nợ xấu của ngành xây dựng giảm xuống bằng 0

### 2.2.1.3. Phân tích rủi ro cho vay theo loại hình doanh nghiệp

Qua bảng 2.6 ta thấy nợ xấu, NQH theo các thành phần kinh tế có sự biến động khá rõ rệt. Nếu như trong năm 2008 nợ xấu tập trung ở các công ty cổ phần, công ty TNHH ngoài quốc doanh chiếm 95,96% trên tổng nợ xấu trong khi đó nợ xấu của các DNNN chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ là 0,67% trên tổng nợ xấu của Chi nhánh thì đến năm 2009 tình hình lại thay đổi hẳn. Trong năm này nợ xấu của Chi nhánh tăng mạnh, cụ thể tập trung chủ yếu ở nhóm DNNN chiếm 65,4% tổng nợ xấu tương ứng với tốc độ tăng 15.793%. Trong khi đó, nợ xấu đối với nhóm công ty TNHH, công ty CP ngoài quốc doanh lại có chiều hướng giảm từ 282,1 tỷ năm 2007 xuống còn 142,27 tỷ trong năm 2009 tương ứng với giảm 49,57%.

### 2.2.1.4. Phân tích rủi ro cho vay theo hình thức đảm bảo

Qua bảng 2.7 cho thấy, thì nợ quá hạn và nợ xấu đối với nhóm nợ cho vay có TS đảm bảo cũng chiếm tỷ trọng cao trên tổng NQH, nợ xấu của Chi nhánh. Cụ thể năm 2009 cho vay có đảm bảo bằng TS có NQH là 644,64 tỷ đồng tăng 166,9 tỷ so với năm 2008 trong khi NQH đối với hình thức không đảm bảo bằng tài sản chỉ là 141,51 tỷ đồng. Sang năm 2010 NQH có giảm nhưng cũng tập trung chủ yếu vào hình thức có đảm bảo bằng TS.

Qua đó, ta thấy nguy hiểm cho vay ở hình thức có đảm bảo bằng tài sản cao hơn đối với hình thức không có tài sản đảm bảo

2.2.1.5. Tình hình phân loại nợ và trích lập dự phòng để xử lý rủi ro

**Bảng 2.8: Tình hình trích lập dự phòng của Chi nhánh**

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chi tiêu	Năm			So sánh			
	2008	2009	2010	2009/2008		2010/2009	
				+/-	%	+/-	%
<b>1. Dư nợ cho vay</b>	<b>1,274</b>	<b>1,441</b>	<b>1,534</b>	<b>167</b>	<b>13,11</b>	<b>93</b>	<b>6,45</b>
- Nhóm 1	638,16	654,85	1265,35	16,69	2,62	610,50	93,23
- Nhóm 2	343,03	298,08	120,02	-44,95	-13,10	-178,06	-59,74
- Nhóm 3	119,78	251,79	148,63	132,01	110,21	-103,16	-40,97
- Nhóm 4	0,17	0,59	0,00	0,42	247,06	-0,59	-100,0
- Nhóm 5	172,86	235,69	0,00	62,83	36,35	-235,69	-100,0
<b>2. Dự phòng rủi ro cho vay</b>	<b>111,54</b>	<b>235,68</b>	<b>11,80</b>	<b>124,14</b>	<b>111,30</b>	<b>-223,88</b>	<b>-94,99</b>
<i>Tỷ lệ dự phòng/dư nợ</i>	8,76	16,36	0,77	7,60		-15,59	

Về tình hình trích lập dự phòng rủi ro tại Chi nhánh qua các năm như sau: Năm 2008 số tiền trích lập dự phòng chiếm 8,75%/tổng dư nợ, sang năm 2009 do năm này nợ xấu của CN tăng mạnh nên CN đã tiến hành trích lập DPRR theo quy định với giá trị là 235.682 triệu đồng tăng 124.147 triệu đồng tương ứng với tăng 111,31% và chiếm 16,36%/tổng dư nợ. Việc trích lập giả tăng này cho thấy được phản ứng nhanh nhẹn và kịp thời của Chi nhánh trước diễn biến theo chiều hướng gia tăng của tỷ lệ nợ xấu tại Ngân hàng. Điều này cho thấy trong năm này mức độ rủi ro cho vay của Chi nhánh khá cao. Sang năm 2010, với đà tăng trưởng mạnh về tình hình thu nợ nên nợ xấu trong năm này giảm mạnh đáng kể, đặc biệt trong năm này CN không có nợ thuộc nhóm 4, 5, dư nợ chủ yếu tập trung ở nhóm 1 và nhóm 2,3 chiếm tỷ trọng nhỏ trên tổng dư nợ nên đã giảm mức trích lập DPRR một cách đáng kể, chỉ còn 11.804 triệu đồng tương ứng với giảm 94,99% so với năm 2009 và chiếm 0,77%/tổng dư nợ. Tóm lại, trong những năm qua, đặc biệt là 2 năm đầu CN đã phải trích lập DPRR khá lớn đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của NH nói chung. Nhưng việc trích lập DPRR theo nhóm nợ là cần thiết nhằm tạo nguồn để bù đắp rủi ro phát sinh, sau đó tiếp tục thu hồi nợ. Đến năm 2010, CN đã nỗ lực hết mình, ta thấy nợ nhóm 5 không còn tồn tại, đây là một biểu hiện tốt trong hoạt động cho vay của CN, CN cần phát huy lợi thế này hơn nữa

2.2.2. Thực trạng công tác hạn chế rủi ro tại CN NH TMCP Ngoại thương TT Huế

2.2.2.1. Chính sách quản lý rủi ro cho vay

♣ Quan điểm của Ngân hàng Ngoại thương về rủi ro cho vay

♣ Hình thức quản lý rủi ro cho vay

Là một trong những Chi nhánh trực thuộc NHTMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Huế tuân thủ và áp dụng chính sách quản lý hoạt động cho vay của NHTMCP Ngoại thương Việt Nam ban hành theo Quyết định số 57/QĐ-NHTMCP NT VN ngày 22/3/2007.

Quy định đối với chính sách này về bộ máy tổ chức quản lý rủi ro cho vay theo chiều dọc từ cao đến thấp, cấp có thẩm quyền cao nhất là Hội đồng quản trị sau đó đến Hội đồng tín dụng, Ban lãnh đạo, các phòng chức năng tại NHTMCP NT VN, rồi đến Chi nhánh.

Về thực hiện, Chi nhánh phải tuân thủ các chính sách chung của hệ thống phân cấp và ủy quyền; giới hạn cho vay đối với khách hàng, các định chế tài chính, đưa ra các quy định phù hợp đối với khách hàng là doanh nghiệp, thể nhân. Xếp các nhóm khách hàng vào diện hạn chế hoặc ngưng cho vay khi cần thiết.

Về chính sách phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động cho vay: Chi nhánh phân loại nợ và đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng hàng quý để dự phòng rủi ro và phục vụ cho công tác quản lý chất lượng hoạt động cho vay. Chi nhánh dùng quỹ dự phòng được trích để xử lý các khoản nợ xấu theo quy định của Hội đồng xử lý rủi ro và dùng các biện pháp tích cực để có thể thu hồi nợ tồn đọng và nợ xấu.

2.2.2.2. Hệ thống phân cấp phân quyền trong xét duyệt giới hạn tín dụng và cấp tín dụng

Tại Chi nhánh Huế, giới hạn cho vay có giá trị từ 5 tỷ đồng trở xuống do Giám đốc phê duyệt; trên 5 tỷ đến 10 tỷ đồng do Giám đốc và một phó giám đốc phụ trách quản lý rủi ro tín dụng phê duyệt; trên 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng phải thông qua hội đồng tín dụng của Chi nhánh phê duyệt; trên 20 tỷ đồng phải chuyển lên NHTMCP NT VN quyết định. Thẩm quyền xét duyệt cho vay từng lần hoặc cho vay đầu tư dự án cũng được phân cấp, ủy quyền tương tự.

Như vậy, ta thấy hệ thống phân cấp phân quyền ở Chi nhánh NHTMCP Ngoại thương Huế được phân định một cách rõ ràng theo từng hạn mức cho vay cụ thể sẽ do bộ phận nào có thẩm quyền xét duyệt. Việc phân quyền này đã hạn chế phần nào tình trạng lạm dụng

quyền hạn cho vay để hưởng lợi riêng mà không chú trọng đến chất lượng khách hàng của một số cán bộ gây nên rủi ro cho vay.

#### 2.2.2.3. Quy trình cấp tín dụng của Chi nhánh

#### 2.2.2.4. Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ

Chức năng, nhiệm vụ của phòng này đối với công tác kiểm tra nội bộ trong hoạt động cho vay của chi nhánh rất quan trọng. Phòng này là công cụ theo dõi, giám sát nằm trong hệ thống kiểm soát rủi ro nội bộ của Chi nhánh. Tuy nhiên, về quy trình, bộ phận này chỉ tham gia kiểm tra sau khi đã hoàn thành giải ngân cho khách hàng mà không trực tiếp tham gia trong quá trình cho vay. Thực tế, chức năng nhiệm vụ của phòng kiểm tra nội bộ đối với hoạt động cho vay tại Chi nhánh hiện nay rất mờ nhạt, chỉ khi một món vay thực sự có vấn đề thì phòng kiểm tra nội bộ mới được mời tham gia rà soát lại.

### 2.3. Đánh giá tình hình hạn chế rủi ro cho vay tại NH TMCP Ngoại thương, CN TT Huế

#### 2.3.1. Ưu điểm

- Trong thời gian qua Chi nhánh đã chú trọng đến công tác hạn chế rủi ro cho vay, vì vậy công tác này đã có những thành tựu nhất định. Song song với việc tăng trưởng về số lượng (7%/năm), chất lượng tín dụng của Chi nhánh được nâng cao, nợ quá hạn được kiểm soát chặt chẽ hơn (từ 54,56% năm 2009 giảm xuống còn 17% năm 2010).

- Trong quan hệ tín dụng với khách hàng, Chi nhánh đã giải quyết cho vay nhanh chóng, kịp thời nhưng vẫn tôn trọng đầy đủ nguyên tắc cho vay, đặc biệt chú ý đến an toàn và hiệu quả vốn cho vay.

Chi nhánh TT Huế luôn có biện pháp hữu hiệu để tiếp cận với khách hàng làm ăn có hiệu quả nhằm giới thiệu về khả năng đáp ứng nhu cầu nội, ngoại tệ với các mức lãi suất và khả năng đáp ứng các dịch vụ với các lợi ích khác có thể mang lại cho doanh nghiệp.

- Hệ thống chấm điểm và xếp hạng tín dụng đối với khách hàng là doanh nghiệp đã được xây dựng và đưa vào áp dụng.

- Về chính sách cho vay, NHNT CN Huế đã đưa ra được Chính sách cho vay một cách khoa học, chặt chẽ về qui trình thực hiện, phân công phân nhiệm về thẩm quyền; linh hoạt đáp ứng với tình hình kinh tế của từng thời kỳ.

- Đồng thời, trong thời gian qua Chi nhánh TT Huế đã tích cực thay đổi cơ cấu cho vay trung và dài hạn. Về đối tượng cho vay, Chi nhánh tập trung chủ yếu cho khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh vay, hạn chế khối DNNN quy mô nhỏ, làm ăn kém hiệu quả. Ngân hàng chú

trọng đến cho vay các ngành nghề có trọng điểm, những dự án có tính khả thi, vòng quay thu hồi vốn nhanh, với DNNN chỉ cho vay với các dự án của Tổng công ty điện lực, các khách sạn của nhà nước.

- Chi nhánh đã luôn theo dõi và bám sát sự chuyển biến không lường của tình hình kinh tế thế giới và trong nước, kịp thời đề ra được những chủ trương, chính sách và các biện pháp hợp lý để ứng phó với tình hình khó khăn chung của cả nền kinh tế, giúp cho ngân hàng tránh được những tổn thất và rủi ro, tạo điều kiện cho ngân hàng phát triển ổn định và bền vững, khẳng định thương hiệu ngân hàng hàng đầu Việt Nam của Vietcombank.

#### 2.3.2. Hạn chế

- Tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu còn cao so với mức quy định của Ngân hàng Nhà nước đặt ra.

- Cả nguồn vốn huy động và dư nợ cho vay đều tập trung ở một số khách hàng lớn dẫn đến các hoạt động, các giải pháp biện pháp của Chi nhánh bị phụ thuộc và ảnh hưởng nhiều bởi quyết định của các doanh nghiệp này.

- Việc đánh giá mức độ rủi ro của các khoản vay còn chưa thực sự đầy đủ và rõ ràng, phụ thuộc nhiều vào trình độ hiểu biết, kinh nghiệm của nhân viên tín dụng. Ngân hàng chưa vận dụng được công nghệ, tự động hóa trong việc phân loại cho vay. Việc áp dụng này sẽ giúp phân loại cho vay một cách nhanh chóng, chi phí thấp và giảm rủi ro.

- Mô hình tổ chức tín dụng vẫn còn bị chùng chéo, chưa có sự phân tách cụ thể về chức năng nhiệm vụ của từng phòng.

- Quy trình nghiệp vụ cho vay thỉnh thoảng bị bỏ qua, đặc biệt trong khâu thẩm định tín dụng, do áp lực về thời gian tiến độ công việc và sự vất vả trong việc quy trình liên quan tới nhiều phòng ban.

- Mặc dù công tác quản trị rủi ro tại Vietcombank nói chung và tại CN Vietcombank Huế nói riêng ngày càng được quan tâm và hoàn thiện hơn nhưng vẫn còn sự chấp nể rời rạc, thiếu tính hệ thống, thiếu sự kết nối giữa các công cụ và phương thức quản trị rủi ro. Quy trình cho vay hiện nay tuy tiên tiến nhưng vẫn chưa phát huy hết mặt tích cực và vẫn còn những ý kiến trái chiều về hiệu quả áp dụng.

- Quy trình cho vay hiện nay tuy tách biệt các bộ phận tham gia đề xuất, thẩm định và xét duyệt cho vay nhưng còn bộc lộ các hạn chế.

- Về công tác quản lý nợ xấu, hiện nay tổ xử lý nợ xấu nằm ở phòng quản lý rủi ro. Tình hình nợ xấu của Chi nhánh qua các năm còn tồn

động nhiều và phức tạp. Còn khá nhiều khoản nợ xấu khó đòi phát sinh từ những năm trước, nhiều khoản nợ hiện nay cũng đng bị chuyển vào các nhóm nợ xấu (nhóm 3,4 và 5) dẫn đến việc phải trích lập dự phòng cao, làm giảm đáng kể đến lợi nhuận của Chi nhánh. Do đó, công tác xử lý nợ xấu hiện đang là thách thức lớn đối với Chi nhánh.

- Công tác đào tạo và nâng cao chất lượng cán bộ chuyên môn nghiệp vụ tuy đợc Chi nhánh quan tâm nhưng chưa thường xuyên.

### 2.3.3. Các nguyên nhân chủ yếu gây ra rủi ro trong hoạt động cho vay tại Chi nhánh qua đánh giá của cán bộ tín dụng

2.3.3.1. Đánh giá của cán bộ tín dụng về nguyên nhân từ phía khách hàng

**Bảng 2.9: Kết quả đánh giá của CBTD về nguyên nhân dẫn đến rủi ro cho vay từ phía khách hàng**

Mức độ	1.Rất phổ biến		2.Thường xảy ra		3.Bình thường		4.Ít xảy ra		5.Không xảy ra	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Tiêu chí										
1.Mục đích sử dụng vốn	4	12,9	20	64,5	3	9,7	4	12,9	0	0
2.Phương án vay vốn	0	0	5	16,1	6	19,4	17	54,8	3	9,7
3.Hiệu quả sử dụng vốn	3	9,7	4	12,9	20	64,5	2	6,5	2	6,5
4.Đạo đức	0	0	3	9,7	9	29	17	54,8	2	6,5
5.Năng lực doanh nghiệp	3	9,7	4	12,9	18	58,1	6	19,4	0	0
6.Nắm bắt thông tin	3	9,7	21	67,7	4	12,9	3	9,7	0	0
7.Tư cách tín dụng	0	0	10	32,3	19	61,3	2	6,5	0	0
8.Môi trường kinh doanh	0	0	0	0	0	0	25	80,6	6	19,4
9.Khả năng cạnh tranh	4	12,9	20	64,5	7	22,6	0	0	0	0
10.Tình hình tài chính	3	9,7	4	12,9	20	64,5	4	12,9	0	0

(Nguồn: Số liệu điều tra. Thang điểm Likert:1-Rất phổ biến; 5- Không xảy ra)

**Bảng 2.10: Kiểm định giá trị trung bình kết quả đánh giá của CBTD về nguyên nhân dẫn đến rủi ro cho vay từ phía khách hàng**

Các tiêu chí đánh giá	N	Mean	Sig. (2-tailed)
1.Mục đích	31	2,23	0,057
2.Phương án vay vốn	31	3,58	0,013
3.Hiệu quả sử dụng vốn	31	2,87	0,092
4.Đạo đức	31	3,58	0,005
5.Năng lực doanh nghiệp	31	2,87	0,403
6.Nắm bắt thông tin	31	2,23	0,090
7.Tư cách tín dụng	31	2,74	0,018
8.Môi trường kinh doanh	31	4,19	0,012
9.Khả năng cạnh tranh	31	2,10	0,062
10.Tình hình tài chính	31	2,81	0,184

(Nguồn: Số liệu điều tra. Thang điểm Likert:1-Rất phổ biến; 5- Không xảy ra)

Đối với 02 nhân tố (1) và (3) có kết quả (Sig.)>0,05 nghĩa là chấp nhận giả thiết  $H_0$ . Chứng tỏ phần lớn CBTD đều cho rằng rủi ro trong hoạt động cho vay xảy ra do khách hàng sử dụng vốn vay không đúng mục đích là *thường xảy ra* và *bình thường* đối với nguyên nhân do khách hàng sử dụng vốn vay không hiệu quả. Chúng ta có cơ sở để chấp nhận các nhận định trên vì cả 2 yếu tố đều có ý nghĩa về mặt thống kê (>90%).

Đối với 02 nguyên nhân dẫn đến rủi ro cho vay là *khách hàng không nắm bắt kịp thời các thông tin về thị trường* (6) và *hàng hóa thiếu tính cạnh tranh* (9): kết quả khảo sát cho thấy rằng trên 64,5% cho rằng *thường xảy ra*. Kết quả kiểm định thì cho ra (Sig.)>0,05 và ý nghĩa thống kê>90% →giả thuyết  $H_0$  đợc chấp nhận, nên có thể nói rằng 02 nguyên nhân này trên thực tế là thường xuyên xảy ra và ảnh hưởng rất lớn đến khoản vay của Chi nhánh.

Còn các nguyên nhân khác đề không đợc chấp nhận.

Tóm lại, rủi ro trong hoạt động cho vay tại Chi nhánh xảy ra chủ yếu do các nguyên nhân đó là khách hàng sử dụng vốn vay không đúng mục đích so với hợp đồng tín dụng, khả năng nắm bắt thông tin không kịp thời và khả năng cạnh tranh của hàng hóa yếu kém.



2.3.3.2. Đánh giá của cán bộ tín dụng về những nguyên nhân từ phía ngân hàng

**Bảng 2.11: Kết quả đánh giá của CBTD về những nguyên nhân gây ra rủi ro cho vay từ phía ngân hàng**

Mức độ Tiêu chí	1.Rất phổ biến		2.Thường xảy ra		3.Bình thường		4.Ít xảy ra		5.Không xảy ra	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
1.Thẩm định	0	0	0	0	5	16,1	21	67,7	5	16,1
2.Kiểm tra	0	0	6	19,4	20	64,5	5	16,1	0	0
3.Lựa chọn khách hàng	0	0	0	0	5	16,1	7	22,6	19	61,3
4.Xử lý nợ	0	0	3	9,7	21	67,7	4	12,9	3	9,7
5.Chính sách đầu tư	0	0	4	12,9	23	74,2	4	12,9	0	0
6.Chính sách cho vay	0	0	0	0	2	6,5	6	19,4	23	74,2
7.Cạnh tranh	4	12,9	19	61,3	5	16,1	3	9,7	0	0
8.Thông tin CIC	2	6,5	1	3,2	23	74,2	4	12,9	1	3,2
9.Thông tin nhà đất	0	0	0	0	3	9,7	5	16,1	23	74,2
10.Công cụ hỗ trợ	0	0	0	0	4	12,9	23	74,2	4	12,9
11.Đánh giá tài sản đảm bảo	0	0	7	22,6	19	61,3	5	16,1	0	0

(Nguồn: Số liệu điều tra. Thang điểm Likert: 1-Rất phổ biến;  
5-Không xảy ra)

**Bảng 2.12:** Kiểm định giá trị trung bình kết quả đánh giá của CBTD về những nguyên nhân dẫn đến rủi ro cho vay từ phía ngân hàng

Các tiêu chí đánh giá	N	Mean	Sig. (2-tailed)
1.Thẩm định	31	4,00	0,693
2.Kiểm tra	31	2,97	0,768
3.Lựa chọn khách hàng	31	4,50	0,000
4.Xử lý nợ	31	3,23	0,032
5.Chính sách đầu tư	31	3,00	0,841
6.Chính sách cho vay	31	4,68	0,005
7.Cạnh tranh	31	2,23	0,059
8.Thông tin CIC	31	3,03	0,813
9.Thông tin nhà đất	31	4,65	0,006
10.Công cụ hỗ trợ	31	4,00	0,534
11.Tài sản đảm bảo	31	2,94	0,572

(Nguồn: Số liệu điều tra. Thang điểm Likert: 1-Rất phổ biến; 5-Không xảy ra)

❖ Liên quan đến tình hình cạnh tranh giữa các ngân hàng (7), đây là yếu tố được đánh giá thấp nhất với 61,3% (19/31) cho rằng thường xuyên xảy ra và có điểm trung bình là 2,23. Qua kiểm định cho ra kết quả (Sig.)=0,059>0,05, nghĩa là chấp nhận  $H_0$  và có ý nghĩa thống kê bằng 0,941 (94,1%) điều này cho thấy rằng rủi ro trong hoạt động cho vay xảy ra do nguyên nhân này ở mức độ là thường xuyên.

❖ Liên quan đến các nhân tố còn lại đều cho kết quả không có ý nghĩa về thống kê.

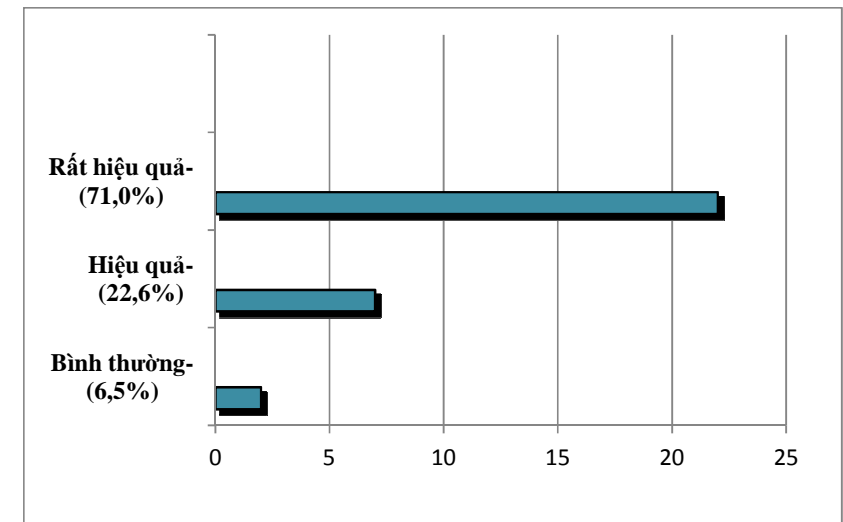
Như vậy, rủi ro trong hoạt động cho vay xảy ra do những nguyên nhân từ phía ngân hàng là ít xảy ra, điều này cho thấy chất lượng trong hoạt động cho vay tại Chi nhánh là khá tốt, các CBTD đã làm việc đúng theo quy trình và trách nhiệm của mình nên rủi ro xuất phát từ ngân hàng là ít xảy ra.

2.3.3.3. Đánh giá chung của cán bộ tín dụng về công tác quản lý rủi ro trong hoạt động cho vay của Ngân hàng Ngoại thương – Chi nhánh TT Huế.

**Bảng 2.13:** Kiểm định kết quả đánh giá của cán bộ tín dụng về công tác quản lý rủi ro cho vay

Tiêu chí	N	Mean	Test Value	Sig. (2-tailed)
Công tác quản lý rủi ro cho vay	31	4,65	5	0,071

(Nguồn: số liệu điều tra. Thang điểm Likert: 1-Rất không hiệu quả; 5-Rất hiệu quả)



**Hình 2.4:** Công tác quản lý rủi ro trong hoạt động cho vay

Qua số liệu tập hợp ở bảng trên ta thấy, hầu hết cán bộ tín dụng của Chi nhánh đều đánh giá cao về tính hiệu quả của công tác quản lý rủi ro cho vay mà Chi nhánh đang áp dụng. Có đến 71,0% (22/31) số cán bộ tín dụng được phỏng vấn đã đánh giá điểm tối đa và cho rằng chính sách quản lý rủi ro cho vay của Chi nhánh là hiệu quả và hoàn hảo. Có 22,6% số CBTD được hỏi đã đánh giá ở mức 4 điểm. Điều này cho thấy chính sách quản lý rủi ro cho vay của Chi nhánh đã phù hợp và phát huy hiệu quả.

Tuy nhiên, vẫn còn 6,5% số CBTD được hỏi đánh giá chính sách quản lý rủi ro cho vay của Chi nhánh ở mức 3 điểm. Khi được hỏi chi tiết về những vấn đề khiến cán bộ tín dụng không đồng ý về chính

sách quản lý rủi ro cho vay của Chi nhánh, kết quả thu thập được tập trung chủ yếu vào các vấn đề như chính sách cho vay còn nói lỏng, sự cạnh tranh giữa các ngân hàng và thông tin CIC chưa được cung cấp đầy đủ, đặc biệt là các thông tin về chuyên ngành vẫn chưa được cập nhật đầy đủ, thông tin về khách hàng cụ thể còn thiếu sót và không chính xác. Đây là những vấn đề mà Ngân hàng cần phải khắc phục trong thời gian tới.

Bảng 2.13, cho ta mức ý nghĩa (Sig.)= 0,071>0,05, (giá trị kiểm định=5) tức là chấp nhận giả thuyết  $H_0$  và ý nghĩa thống kê=0,929 (92,9%) cho thấy rằng đa số CBTD đánh giá công tác quản lý rủi ro trong hoạt động cho vay mà Chi nhánh đang áp dụng là *hiệu quả*.

\* Nói tóm lại, qua kết quả khảo sát trên có thể tóm tắt lại những nguyên nhân chủ yếu gây ra rủi ro cho vay tại Chi nhánh Huế là:

+ *Xuất phát từ phía khách hàng:*

. Khách hàng đi vay không lên kế hoạch vay cụ thể và kỹ lưỡng, dẫn đến tình trạng sử dụng vốn vay không đúng mục đích so với hợp đồng cho vay và hiệu quả sử dụng vốn thấp.

. Báo cáo tài chính không minh bạch.

. Do sự thay đổi của môi trường kinh doanh như chính sách của chính quyền địa phương, thời tiết... nên việc sử dụng vốn bị gián đoạn, gây ứ đọng vốn.

. Trong quá trình kinh doanh, khách hàng ít khi lập bảng điều tra hay thuê các công ty nghiên cứu thị trường về thị trường kinh doanh của công ty, do đó không nắm bắt được kịp thời thông tin thị trường, làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như hoạt động sử dụng vốn của doanh nghiệp. Ngoài ra, khách hàng điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh không hiệu quả, thường xuyên phát sinh các khoản vay bất thường, ảnh hưởng đến tính ổn định của doanh nghiệp.

+ *Xuất phát từ ngân hàng:*

. Công tác kiểm tra, giám sát sau khi cho vay tại Chi nhánh mặc dù được thực hiện một cách thường xuyên nhưng vẫn khó có thể kiểm soát được khách hàng có sử dụng vốn vay đúng mục đích hay không.

. Sự cạnh tranh không lành mạnh giữa Chi nhánh và các ngân hàng khác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế khiến việc lựa chọn khách hàng không kỹ lưỡng.

. Hệ thống chấm điểm và xếp hạng tín dụng đối với khách hàng thể nhân mới mang tính chất định tính chứ chưa được xây dựng thành mô hình định lượng.

. Thông tin CIC chưa được cung cấp đầy đủ, đặc biệt là thông tin về ngành nghề kinh doanh của khách hàng và thông tin về khách hàng cụ thể vẫn còn thiếu sót và chưa đầy đủ.

. Về cơ cấu cho vay: Trong cơ cấu cho vay của Chi nhánh NHNT Huế hiện nay vẫn chú trọng đối với các DNNN kinh doanh trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, đặc biệt là cho vay để thanh toán hàng nhập khẩu, nguồn trả nợ chủ yếu là thu nhập từ lô hàng đó, mặt khác nguồn vốn đó lại tập trung cho một số khách hàng lớn. Do vậy, điều này tiềm ẩn nguy cơ rủi ro cao

. Hiện nay, tại Chi nhánh vẫn có một số khách hàng vay không có tài sản bảo đảm, điều này sẽ ảnh hưởng lớn đến khả năng thu hồi vốn sau này.

. Năng lực của cán bộ tín dụng. Năng lực dự báo, phân tích ngành, phân tích tài chính, phát hiện và xử lý nợ vay có vấn đề của một số cán bộ còn rất yếu nhất là đối với các ngành hàng đòi hỏi hiểu biết chuyên môn cao.

### Chương 3

## ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO CHO VAY TẠI NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG, CN TT HUẾ

### 3.1. Định hướng phát triển của Ngân hàng TMCP Ngoại thương, CN TT Huế

- Phát triển tín dụng trên cơ sở thận trọng trên cơ sở tăng trưởng ổn định, an toàn và hiệu quả. Tập trung xử lý triệt để nợ xấu, đặc biệt chú trọng đến các khoản nợ đã được xử lý bằng dự phòng rủi ro, cần tích cực tìm mọi biện pháp để tận thu.

- Cải thiện danh mục đầu tư, bám sát định hướng hoạt động của TW: cần thay đổi, điều chỉnh một cách cơ bản cơ cấu đối tượng khách hàng theo hướng đa dạng hóa và hướng tới khách hàng mục tiêu; phát triển khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ. Giảm dần tỷ trọng cho vay đối với DNNN hoạt động kém hiệu quả, từng bước mở rộng cho vay đối với thể nhân trên cơ sở bám sát các chương trình cho vay như: cho vay du học, cho vay trả góp mua nhà, mua ô tô, bất động sản có giá trị, cho vay tiêu dùng đối với cá nhân.

- Đa dạng hóa thành phần khách hàng theo hướng tăng trọng có tài sản đảm bảo đối với thành phần kinh tế ngoài quốc doanh và cho vay bán lẻ cần được triển khai rộng rãi. Tùy thuộc vào hiệu quả kinh doanh của các nhóm khách hàng để cho vay hoặc hạn chế.

- Mở rộng cho vay đối với ngành kinh tế mũi nhọn, mặt hàng có thị trường tiêu thụ ổn định, cho vay thận trọng đối với các mặt hàng có nhiều biến động về thị trường giá cả.

- Nâng cao chất lượng công tác đánh giá xếp hạng khách hàng và xây dựng, quản lý danh mục đầu tư, quản trị rủi ro... theo đúng chuẩn mực quy định.

- Áp dụng quy trình cho vay mới theo tiêu chuẩn quốc tế, tách bạch hoạt động quan hệ khách hàng, quản lý rủi ro và xử lý tác nghiệp. Hoàn thiện việc cơ cấu lại tổ chức quản lý rủi ro theo thông lệ quốc tế.

### **3.2. Giải pháp hạn chế rủi ro cho vay tại NH TMCP Ngoại thương, CNTT Huế**

#### **3.2.1. Kiểm tra, theo dõi thường xuyên quá trình sử dụng vốn của khách hàng**

Để hạn chế khách hàng sử dụng vốn vay không đúng mục đích và nâng cao hiệu quả sử dụng, Chi nhánh cần phải dựa vào kế hoạch vay vốn của khách hàng để từ đó đưa ra quyết định cho vay và thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên quá trình sử dụng vốn vay của khách hàng sau khi cho vay.

#### **3.2.2. Thực hiện đúng quy trình cho vay**

Đây được coi là giải pháp thường trực trong hoạt động cho vay, không được coi nhẹ hay vì lý do cạnh tranh, thu hút khách hàng, giữ khách hàng mà bỏ qua một khâu nào. Do đó, hoạt động cho vay phải thực hiện đúng quy trình, lựa chọn khách hàng kỹ lưỡng, việc xét duyệt cho vay phải đảm bảo khả năng thu hồi vốn. Thông thường cán bộ tín dụng phải kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay.

Ngoài ra trong quy trình cho vay, cán bộ tín dụng phải thường xuyên kiểm tra tình hình hoạt động SXKD của khách hàng. Việc kiểm tra có thể tiến hành định kỳ hay đột xuất. Điều này giúp CBTD tránh được việc bố trí khi có sự kiểm tra của NH.

Đối với khách hàng là doanh nghiệp vay lần đầu hay khách hàng cá nhân vay lớn đều phải thông qua hội đồng tín dụng, qua đó sàng lọc, lựa chọn KH có khả năng tài chính, kinh doanh hiệu quả để hạn chế rủi ro.

#### **3.2.3. Nâng cao hiệu quả công tác thẩm định nhận biết rủi ro cho vay**

Thẩm định dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh được coi là một khâu quan trọng nhất trước khi quyết định cho vay.

Ta thấy rằng trong cơ cấu cho vay của Chi nhánh thì cho vay trung dài hạn chiếm tỷ trọng lớn, chủ yếu tập trung vào các công

trình, dự án. Mà nguồn trả nợ chủ yếu chính là từ nguồn thu của dự án đầu tư, bởi vậy, việc thẩm định dự án đầu tư phải được quan tâm hàng đầu. Để việc thẩm định tình hình và năng lực tài chính của doanh nghiệp có hiệu quả thì việc yêu cầu có xác nhận của các tổ chức kiểm toán độc lập để tránh các báo cáo tài chính thiếu trung thực là cần thiết.

Chi nhánh cần coi việc tính các chỉ tiêu hiệu quả dự án: NPV, IRR, PP, DSCR là bắt buộc khi thẩm định tài chính dự án đầu tư

Chi nhánh NHNT Huế phải xây dựng chuẩn một hệ thống chỉ tiêu sao cho đảm bảo được ý nghĩa kinh tế, nêu lên mối quan hệ của các chỉ tiêu nói lên ý nghĩa tài chính gì của dự án. Hệ thống chỉ tiêu này được áp dụng thống nhất và có hiệu quả cho hầu hết các dự án khác nhau.

Ngoài phương pháp truyền thống (định tính) để đánh giá rủi ro cho vay của người vay, ngân hàng nên sử dụng mô hình cho điểm tín dụng để lượng hóa rủi ro cho vay của người vay.

Các mô hình cho điểm tín dụng sử dụng các số liệu phản ánh đặc điểm của người vay để lượng hóa xác suất vỡ nợ cũng như phân loại người vay thành các nhóm có mức độ rủi ro khác nhau. Để sử dụng các mô hình này, nhà quản lý phải xác định được các tiêu chí về kinh tế và tài chính liên quan đến rủi ro cho vay đối với từng nhóm khách hàng cụ thể.

#### **3.2.4. Hoàn thiện mô hình tổ chức theo hướng tăng cường khả năng kiểm tra, kiểm soát nội bộ về cho vay**

Thứ nhất, cần xác định rõ ràng vai trò và trách nhiệm của Ban lãnh đạo chi nhánh và nhân viên trong hoạt động cho vay và quản lý rủi ro cho vay là rất cần thiết.

Thứ hai, thông qua quá trình kiểm tra, giám sát quá trình cho vay, Chi nhánh phải thường xuyên theo dõi, phân tích các thông tin liên quan đến tình hình sử dụng tiền vay, tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh, khả năng trả nợ và mức trả nợ của khách hàng vay vốn.

Thứ ba, Chi nhánh phải đánh giá mức độ tín nhiệm của khách hàng một cách thường xuyên. Trong trường hợp phát hiện những sai phạm như cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng... Chi nhánh cần thực hiện xử lý theo quy định pháp luật.

#### **3.2.5. Tư vấn giúp đỡ khách hàng tháo gỡ khó khăn**

#### **3.2.6. Phân tán rủi ro cho vay**

- Phân tán rủi ro bằng cách đa dạng hóa danh mục cho vay

- Đa dạng hóa phương thức cho vay như cho vay hợp vốn, đồng tài trợ... để phân tán rủi ro cho nhau mà không mất đi nguồn thu từ các phương án vay vốn khả thi.

- Thực hiện bảo hiểm tín dụng, đây chính là biện pháp nhằm san sẻ rủi ro cho vay. Nó thường được thực hiện dưới các loại như: bảo hiểm hoạt động cho vay, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm tiền vay.

### **3.2.7. Tài trợ rủi ro**

Chi nhánh nên chủ động trích lập DPRR hàng năm nhằm có sự chủ động về tài chính. Nhờ vậy làm tăng động lực của Chi nhánh trong việc nâng cao trình độ kinh doanh nói chung vì Chi nhánh có động cơ mạnh hơn trong việc kiểm soát những tổn thất mà chính bản thân nó phải gánh chịu. Tuy nhiên đối với những tổn thất vượt ngoài khả năng tài chính của NH, thì NH nên chia sẻ tổn thất xảy ra cho những đối tượng khác, cụ thể ở đây là khách hàng vay vốn. NH sẽ chuyển giao tổn thất dưới dạng tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh của bên thứ ba

### **3.2.8. Hình thành một tổ chức xử lý nợ quá hạn**

Tổ quản lý rủi ro thực hiện phân loại nợ theo phương pháp định lượng chính xác, kịp thời hàng quý làm cơ sở cho việc trích lập quỹ dự phòng để xử lý rủi ro, đồng thời đưa ra các giải pháp để thu hồi nợ, cùng với phương pháp phân loại nợ theo định lượng thì để xác định đúng thực chất của nợ vay.

Tổ chức phân tích cơ cấu tín dụng, lập báo cáo tỷ lệ nợ không thu hồi được trong một chu kỳ khoảng 5 năm, đánh giá tỷ lệ nợ xấu, nguyên nhân chủ yếu và tỷ lệ nợ xấu ở các ngành, thành phần kinh tế, vùng, để có chính sách tín dụng phù hợp cũng như biện pháp quản lý RRTD hiệu quả hơn.

### **3.2.9. Giải pháp thực hiện tốt bảo đảm tín dụng**

Ngân hàng cần áp dụng thống nhất các biện pháp bảo đảm tiền vay như: Các biện pháp bảo đảm tiền vay bằng bảo đảm (cầm cố, thế chấp, bảo lãnh) và các biện pháp bảo đảm tiền vay trong trường hợp cho vay không có bảo đảm bằng tài sản

### **3.2.10. Hoàn thiện chất lượng công tác thu thập thông tin**

### **3.2.11. Giải pháp hoàn thiện chính sách đối với khách hàng**

- Thường xuyên theo dõi tình hình diễn biến thị trường tiền tệ, tình hình lãi suất, mức phí của các ngân hàng khác trên địa bàn để đưa ra chính sách lãi suất linh hoạt, mức phí phù hợp nhằm giữ chân khách hàng truyền thống và thu hút khách hàng mới có nhiều tiềm năng.

- Chủ động và tích cực tìm kiếm khách hàng tiềm năng, các dự án, phương án sản xuất có tính khả thi.

- Tích cực áp dụng các chính sách ưu đãi phù hợp với khách hàng như tặng quà cho khách hàng có số dư tiền gửi lớn, giao dịch thường xuyên, tặng thẻ VIP các khách hàng lớn; Chính sách ưu đãi về phí lãi suất và tiếp tục đẩy mạnh quảng bá thương hiệu, tuyên truyền sản phẩm; Xây dựng văn hóa giao dịch của Ngân hàng Ngoại thương: Nhanh nhẹn, văn minh, lịch sự, ân cần và chu đáo với khách hàng.

- Cung cấp các dịch vụ tư vấn cho khách hàng.

## **3.3. KIẾN NGHỊ**

### **3.3.1. Đối với Nhà nước**

### **3.3.2. Đối với ngân hàng Ngoại thương Việt Nam**

- Cần ban hành quy định cụ thể, chặt chẽ về lưu trữ, bảo quản và quản lý hồ sơ cho vay.

- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam có thể xây dựng chương trình quản lý tự động có tác dụng ngăn chặn bởi giới hạn hoặc bị cấm trong quy trình cho vay, bên cạnh đó cần có một chương trình theo dõi, quản lý dành cho cấp lãnh đạo trong toàn hệ thống. Cũng cần xây dựng và đưa vào một phần mềm hiện đại, phục vụ cho việc phân tích, dự đoán và đo lường rủi ro trong tác nghiệp hàng ngày.

- Chính sách cho vay cần tiếp tục hoàn thiện, đảm bảo tính linh hoạt, dễ sử dụng, các quy định cụ thể sát với thực tế.

- Đưa ra các chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ và đề bạt thích hợp với yêu cầu và trách nhiệm công việc.

### **2.3. Đối với ngân hàng Ngoại thương, CN Huế**

- Chi nhánh cần tiếp tục chú trọng hơn nữa công tác xử lý nợ quá hạn, tinh thần xử lý nợ tồn đọng.

- Bộ định thẩm định tài sản phải xây dựng được hệ thống bảng giá về các loại tài sản.

- Yêu cầu các phòng ban khác hỗ trợ phòng tín dụng trong việc phát hiện nhu cầu, tiếp thị, cung cấp thông tin, giám sát các khoản vay để có thể hạn chế rủi ro được tốt hơn.

## KẾT LUẬN

Trong xu thế phát triển của nền kinh tế, việc đổi mới, nâng cao chất lượng cho vay và hạn chế rủi ro cho vay luôn là yêu cầu cấp bách không chỉ của Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Huế mà còn là của tất cả các Ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở nghiên cứu rủi ro cho vay thông qua lý thuyết và thực tiễn tại NH TMCP Ngoại thương, CN TT Huế, luận văn đã rút ra được kết luận sau:

Trong hoạt động kinh doanh tiền tệ, có tới 60% - 70% tài sản Có của các NHTM là phần tài sản sinh lời từ hoạt động cho vay. Tình trạng cho vay thường đi kèm với các rủi ro thường trực trong hoạt động này khiến cho công tác quản trị rủi ro để nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động cho vay là cực kỳ quan trọng, mang ý nghĩa sống còn của một NHTM. Những ngân hàng nào chỉ chạy đua theo mục đích tăng trưởng dư nợ mà xem nhẹ công tác quản trị rủi ro sẽ gặp nguy cơ rủi ro lớn, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh và đe dọa đến sự tồn tại của NH đó. NHTMCP Ngoại thương, CN TT Huế không nằm ngoài tình hình đó, nên yêu cầu đặt ra đối với Chi nhánh trong việc nâng cao và hoàn thiện các công cụ quản trị rủi ro để phòng tránh và hạn chế rủi ro cho vay là cấp thiết và hết sức quan trọng. Vì vậy, đòi hỏi nhà quản trị phải không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng cho vay bằng những phương thức và giải pháp quản trị rủi ro hiệu quả.

Trên cơ sở lý luận và sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, đánh giá, phân tích trong công tác cho vay và hạn chế rủi ro cho vay tại NHTMCP NT, CN TT Huế, luận văn đã hoàn thành một số nhiệm vụ đặt ra, cụ thể:

- Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản về rủi ro và công tác hạn chế rủi ro trong hoạt động cho vay.

- Đánh giá thực trạng và nguyên nhân gây ra rủi ro trong hoạt động cho vay, đưa ra những vấn đề hạn chế, tồn tại của công tác này trong thực tiễn

- Đề xuất được một số giải pháp cơ bản và bổ sung các giải pháp hoàn thiện nhằm góp phần hạn chế rủi ro cho vay của NH TMCP Ngoại thương CN TT Huế.